

Số: 285/QĐ-ĐHSPKTNĐ

Nam Định, ngày 26 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện
Học kỳ I năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-LĐTBXH ngày 09/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 26/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy định thực hiện chế độ chính sách đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ biên bản họp ngày 25/5/2023 của Hội đồng xét duyệt học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện đối với sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

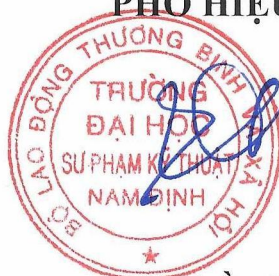
Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện học kỳ I năm học 2022 - 2023 cho 107 SV Đại học (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng phòng Công tác SV, Trưởng khoa CNTT, Trưởng khoa Đ - ĐT, Trưởng khoa Cơ khí, Trưởng khoa Kinh tế, Cán bộ quản lý lớp và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ue*

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (KT-TC: 4 bản);
- Website Nhà trường;
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Xuân Thanh

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐS - K14; 15; ĐK - 14;15;16;17; LTĐH - K 15;16
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 285 /QĐ-ĐHSPKTND ngày 26 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	19S1100006	Lê Thị Thùy Linh	ĐS - CNTT 14	3,86	92	Xuất sắc	1,2	8.694.000	ĐHSPKT K14/Khoa CNTT
2	19S1080007	Lê Hữu Phước	ĐS - Ôtô 14	3,62	94	Xuất sắc	1,2	8.694.000	ĐHSPKT K14/Khoa CK
3	19S1040002	Vũ Văn Hải	ĐS - ĐKTĐ 14	3,58	86	Tốt	1,1	7.210.500	ĐHSPKT K14/Khoa Đ-ĐT
4	20S1100013	Đinh Thị Phương	ĐS - CNTT 15	3,70	92	Xuất sắc	1,2	9.360.000	ĐHSPKT K15/Khoa CNTT
5	20S1050003	Hà Văn Đạt	ĐS - CTM 15	3,65	94	Xuất sắc	1,2	9.360.000	ĐHSPKT K15/Khoa CK
6	20S1080007	Nguyễn Khánh Huyền	ĐS - Ôtô 15	3,65	92	Xuất sắc	1,2	9.360.000	//
7	20S1040001	Dương Văn Anh	ĐS - ĐKTĐ 15	3,70	88	Tốt	1,1	8.580.000	ĐHSPKT K15/Khoa Đ-ĐT
8	20S1040002	Nguyễn Hải Anh	ĐS - ĐKTĐ 15	3,55	90	Xuất sắc	1,1	8.580.000	//
9	19D1100020	Đỗ Thị Thùy	ĐK - CNTT 14	3,65	96	Xuất sắc	1,2	7.038.000	ĐHCN K14/Khoa CNTT
10	19D1080026	Lê Công Minh	ĐK - Ôtô 14A	3,76	94	Xuất sắc	1,2	7.038.000	ĐHCN K14/Khoa CK
11	19D1080055	Vũ Đức Khánh	ĐK - Ôtô 14B	3,65	92	Xuất sắc	1,2	7.038.000	//
12	19D1080063	Đặng Minh Quang	ĐK - Ôtô 14B	3,65	90	Xuất sắc	1,2	7.038.000	//
13	19D1050008	Trần Xuân Hiếu	ĐK - CTM 14	3,60	98	Xuất sắc	1,2	6.210.000	//
14	19D1150001	Vũ Xuân Bách	ĐK - CĐT 14	3,60	96	Xuất sắc	1,2	6.210.000	//
15	19D1040010	Trần Đức Hải	ĐK - ĐKTĐ 14	3,87	86	Tốt	1,1	5.692.500	ĐHCN K14/Khoa Đ-ĐT

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
16	19D1040034	Trần Quang Tùng	ĐK - ĐKTĐ 14	3,87	86	Tốt	1,1	5.692.500	//
17	19D1010031	Nguyễn Văn Tuấn	ĐK - ĐKTĐ 14	3,87	82	Tốt	1,1	5.692.500	//
18	19D1040035	Trần Quốc Tùng	ĐK - ĐKTĐ 14	3,73	86	Tốt	1,1	5.692.500	//
19	20D1040007	Trần Ngọc Duy	ĐK - ĐKTĐ 15	3,82	96	Xuất sắc	1,2	7.956.000	ĐHCN K15/Khoa Đ-ĐT
20	20D1040033	Nguyễn Vạn Thành	ĐK - ĐKTĐ 15	3,88	82	Tốt	1,1	7.293.000	//
21	20D1040036	Nguyễn Hữu Thắng	ĐK - ĐKTĐ 15	2,76	89	Tốt	1	5.460.000	//
22	20D1100038	Trần Đức Long	ĐK - CNTT 15	4,00	89	Tốt	1,1	7.293.000	ĐHCN K15/Khoa CNTT
23	20D1100001	Trần Đại Bình	ĐK - CNTT 15	3,18	86	Tốt	1	6.630.000	//
24	20D1060004	Trần Lý Đạt	ĐK - CK 15	3,50	94	Xuất sắc	1,1	6.864.000	ĐHCN K15/Khoa CK
25	20D1060007	Lê Trọng Minh	ĐK - CK 15	3,50	86	Tốt	1,1	6.864.000	//
26	20D1060002	Lê Ngọc Chiến	ĐK - CK 15	3,25	89	Tốt	1,1	6.864.000	//
27	20D1050008	Bùi Đình Hiếu	ĐK - CTM 15	3,12	90	Xuất sắc	1	6.630.000	//
28	20D1080038	Đỗ Văn Thanh	ĐK - Ôtô 15A	3,12	90	Xuất sắc	1	6.630.000	//
29	21D1050010	Trần Đăng Khoa	ĐK - CTM 16	3,78	96	Xuất sắc	1,2	9.918.000	ĐHCN K16/Khoa CK
30	21D1080074	Trần Đình Đăng	ĐK - Ôtô 16B	3,44	96	Xuất sắc	1,1	9.091.500	//
31	21D1050024	Đỗ Thành Vinh	ĐK - CTM 16	3,44	94	Xuất sắc	1,1	9.091.500	//
32	21D1080095	Lã Hồng Quyết	ĐK - Ôtô 16B	3,22	92	Xuất sắc	1,1	9.091.500	//
33	21D1080065	Trần Hữu Cương	ĐK - Ôtô 16B	3,22	86	Tốt	1,1	9.091.500	//
34	21D1050006	Nguyễn Lập Trường Giang	ĐK - CTM 16	3,11	90	Xuất sắc	1	8.265.000	//
35	21D1080036	Bùi Minh Quân	ĐK - Ôtô 16A	3,00	90	Xuất sắc	1	8.265.000	//
36	21D1080101	Trần Năng Thành	ĐK - Ôtô 16B	2,89	96	Xuất sắc	1	8.265.000	//

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
37	21D1050009	Trần Đình Hòa	ĐK - CTM 16	2,89	90	Xuất sắc	1	8.265.000	//
38	21D1040004	Nguyễn Hải Anh	ĐK - ĐKTĐ 16	3,58	92	Xuất sắc	1,1	9.570.000	ĐHCN K16/Khoa Đ-ĐT
39	21D1040010	Vũ Đức Duy	ĐK - ĐKTĐ 16	3,53	96	Xuất sắc	1,1	9.570.000	//
40	21D1040017	Nguyễn Anh Đức	ĐK - ĐKTĐ 16	3,53	86	Tốt	1,1	9.570.000	//
41	21D1010010	Phạm Huy Hiệp	ĐK - ĐĐT 16	3,42	94	Xuất sắc	1,1	9.570.000	//
42	21D1040015	Bùi Vương Đình	ĐK - ĐKTĐ 16	3,37	92	Xuất sắc	1,1	9.570.000	//
43	21D1050008	Trần Đức Hiếu	ĐK - ĐKTĐ 16	3,00	86	Tốt	1	8.700.000	//
44	21D1040046	Trần Quốc Trung	ĐK - ĐKTĐ 16	2,89	86	Tốt	1	8.700.000	//
45	21D1100004	Trần Đức Anh	ĐK - CNTT 16A	3,69	92	Xuất sắc	1,2	8.874.000	ĐHCN K16/Khoa CNTT
46	21D1100022	Đình Việt Long	ĐK - CNTT 16A	3,75	86	Tốt	1,1	8.134.500	//
47	21D1100002	Nguyễn Hoàng Anh	ĐK - CNTT 16A	3,75	80	Tốt	1,1	8.134.500	//
48	21D1040007	Hoàng Đức Bình	ĐK - CNTT 16B	3,63	86	Tốt	1,1	8.134.500	//
49	21D1100029	Tạ Thị Kim Oanh	ĐK - CNTT 16A	3,44	86	Tốt	1,1	8.134.500	//
50	22D1100025	Lưu Hoàng Nhật	ĐH - CNTT 17	3,87	96	Xuất sắc	1,2	9.600.000	ĐHCN K17/Khoa CNTT
51	22D1040009	Đỗ Thành Công	ĐH - ĐKTĐ 17	3,75	92	Xuất sắc	1,2	10.200.000	//
52	22D1040058	Phan Hồng Tuyên	ĐH - ĐKTĐ 17	3,63	94	Xuất sắc	1,2	10.200.000	//
53	22D1100022	Trần Hải Long	ĐH - CNTT 17	3,87	86	Tốt	1,1	8.800.000	ĐHCN K17/Khoa CNTT
54	22D1100012	Phạm Hồng Hải	ĐH - CNTT 17	3,73	86	Tốt	1,1	8.800.000	//
55	22D1040052	Trần Tiến	ĐH - ĐKTĐ 17	3,69	80	Tốt	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa Đ-ĐT
56	22D1100004	Trần Phương Anh	ĐH - CNTT 17	3,67	86	Tốt	1,1	8.800.000	ĐHCN K17/Khoa CNTT
57	22D1100017	Phạm Đức Hoàng	ĐH - CNTT 17	3,67	86	Tốt	1,1	8.800.000	//

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
58	22D1100044	Trịnh Duy Vũ	ĐH - CNTT 17	3,67	86	Tốt	1,1	8.800.000	//
59	22D1100038	Nguyễn Bá Thắng	ĐH - CNTT 17	3,60	80	Tốt	1,1	8.800.000	//
60	22D1020012	Lê Đức Khá	ĐH - KTĐ 17	3,56	98	Xuất sắc	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa Đ-ĐT
61	22D1050007	Lê Bảo Ngọc	ĐH - CTM 17	3,56	90	Xuất sắc	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa CK
62	22D1100009	Đặng Hoàng Dương	ĐH - CNTT 17	3,53	80	Tốt	1,1	8.800.000	ĐHCN K17/Khoa CNTT
63	22D1050006	Đồng Ngọc Nam	ĐH - CTM 17	3,50	90	Xuất sắc	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa CK
64	22D1040012	Lưu Văn Dũng	ĐH - ĐKTĐ 17	3,50	86	Tốt	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa Đ-ĐT
65	22D1040026	Nguyễn Đức Hùng	ĐH - ĐKTĐ 17	3,50	86	Tốt	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa Đ-ĐT
66	22D1050010	Vũ Xuân Quang	ĐH - CTM 17	3,38	96	Xuất sắc	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa CK
67	22D1080081	Phạm Nhật Huy	ĐH - ÔTÔ 17B	3,38	82	Tốt	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa CK
68	22D1100023	Phạm Văn Minh	ĐH - CNTT 17	3,33	86	Tốt	1,1	8.800.000	ĐHCN K17/Khoa CNTT
69	22D1040022	Đinh Thị Thu Hiền	ĐH - ĐKTĐ 17	3,31	94	Xuất sắc	1,1	9.350.000	ĐHCN K17/Khoa Đ-ĐT
70	19D1110002	Phạm Lan Anh	ĐK - KT 14	3,88	96	Xuất sắc	1,2	5.664.000	ĐHCN K14/Khoa KT
71	20D1110006	Nguyễn Thanh Huyền	ĐK - KT 15	3,88	96	Xuất sắc	1,2	6.936.000	ĐHCN K15/Khoa KT
72	21D1110007	Vũ Thị Huế	ĐK - KT 16	3,86	94	Xuất sắc	1,2	6.660.000	ĐHCN K16/Khoa KT
73	21D1120007	Nguyễn Minh Hiếu	ĐK - QTKD 16	3,79	90	Xuất sắc	1,2	6.660.000	ĐHCN K16/Khoa KT
74	22D1110015	Phạm Phương Nhung	ĐH - KT 17	3,71	96	Xuất sắc	1,2	7.740.000	ĐHCN K17/Khoa KT
75	22D1120007	Vũ Ngọc Yến Nhi	ĐH - QTKD 17	3,71	96	Xuất sắc	1,2	7.740.000	//
76	22D1120010	Phạm Thị Anh Thư	ĐH - QTKD 17	3,43	94	Xuất sắc	1,1	7.095.000	//
77	22D1110003	Trần Thị Hải Anh	ĐH - KT 17	3,36	90	Xuất sắc	1,1	7.095.000	//
78	21L1100068	Lê Văn Thùy	LTĐH - CNTT 15B	4,00	94	Xuất sắc	1,2	6.786.000	ĐHLT K15/Khoa CNTT

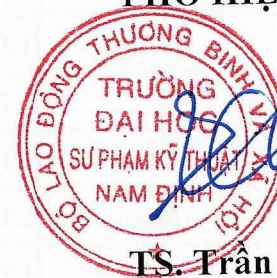
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
79	21L1100026	Phạm Thị Như Quỳnh	LTĐH - CNTT 15A	4,00	90	Xuất sắc	1,2	8.874.000	//
80	21L1100071	Phạm Thị Vũ Hương	LTĐH - CNTT 15B	4,00	90	Xuất sắc	1,2	8.874.000	//
81	21L1100097	Vũ Thị Minh Ngọc	LTĐH - CNTT 15B	4,00	90	Xuất sắc	1,2	7.830.000	//
82	21L1100060	Lê Thanh Tâm	LTĐH - CNTT 15B	4,00	90	Xuất sắc	1,2	7.830.000	//
83	21L1100089	Phạm Thế Hường	LTĐH - CNTT 15B	3,88	94	Xuất sắc	1,2	8.874.000	//
84	21L1140013	Phạm Thị Loan	LTĐH - HTĐ 15A	3,76	96	Xuất sắc	1,2	13.050.000	ĐHLT K15/Khoa Đ-ĐT
85	21L1040003	Vũ Minh Hiền	LTĐH - ĐKTĐ 15A	3,60	98	Xuất sắc	1,2	5.220.000	//
86	21L1040028	Bùi Quang Thành	LTĐH - ĐKTĐ 15A	3,83	86	Tốt	1,1	5.742.000	//
87	21L1080001	Đặng Phan Duy Anh	LTĐH - Ôtô 15A	3,52	94	Xuất sắc	1,1	11.962.500	ĐHLT K15/Khoa CK
88	22LS114044	Bùi Thị Ngọc Huyền	LTĐH - HTĐ 16A	3,45	90	Xuất sắc	1,1	6.050.000	ĐHLT K16/Khoa Đ-ĐT
89	22LS114039	Mai Khắc Đạt	LTĐH - HTĐ 16A	3,29	86	Tốt	1,1	3.850.000	//
90	22L1140026	Trần Văn Hà	LTĐH - HTĐ 16A	3,23	91	Xuất sắc	1,1	7.150.000	//
91	22L1140016	Lã Thu Trang	LTĐH - HTĐ 16A	3,15	90	Xuất sắc	1	6.500.000	//
92	22LC114040	Nguyễn Tiến Đạt	LTĐH - HTĐ 16A	3,00	90	Xuất sắc	1	3.500.000	//
93	22LS114038	Phạm Thị Mỹ Chinh	LTĐH - HTĐ 16A	3,00	86	Tốt	1	3.500.000	//
94	22LC114037	Phạm Đức Cảnh	LTĐH - HTĐ 16A	3,00	86	Tốt	1	5.500.000	//
95	22LC114046	Trịnh Văn Tuấn	LTĐH - HTĐ 16A	3,00	86	Tốt	1	5.500.000	//
96	22LC110016	Bùi Công Nghiệp	LTĐH - CNTT 16A	3,75	94	Xuất sắc	1,2	4.800.000	ĐHLT K16/Khoa CNTT
97	22LS110004	Trần Xuân Hưng	LTĐH - CNTT 16A	3,62	84	Tốt	1,1	7.150.000	//
98	22LC110004	Nguyễn Tiến Định	LTĐH - CNTT 16A	3,38	94	Xuất sắc	1,1	7.150.000	//
99	22LS108002	Chu Hoàng Hà	LTĐH - Ôtô 16A	4,00	96	Xuất sắc	1,2	15.000.000	//



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
100	21L1110037	Trần Thị Nhân	LTĐH - KT 15A	4,00	92	Xuất sắc	1,2	7.548.000	ĐHLT K15/Khoa KT
101	21L1110014	Trần Đức Thiện	LTĐH - KT 15A	3,91	94	Xuất sắc	1,2	9.768.000	//
102	21L1110012	Hoàng Thị Hồng Quyên	LTĐH - KT 15A	3,79	96	Xuất sắc	1,2	12.432.000	//
103	21L1110046	Trần Thị Phương	LTĐH - KT 15A	3,92	84	Tốt	1,1	10.582.000	//
104	21L1110048	Tiết Thị Mai Trang	LTĐH - KT 15C	3,90	84	Tốt	1,1	8.140.000	//
105	22LC111031	Nguyễn Thị Hồng Vân	LTĐH - KT 16A	3,64	96	Xuất sắc	1,2	7.224.000	ĐHLT K16/Khoa KT
106	22LC111011	Lê Thị Thu Hòe	LTĐH - KT 16A	3,79	86	Tốt	1,1	6.622.000	//
107	22LC111025	Trần Thu Thủy	LTĐH - KT 16A	3,79	86	Tốt	1,1	6.622.000	//
Tổng cộng:								857.441.000	

Ấn định danh sách 107 sinh viên. 

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Xuân Thanh